

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 11 - 2019

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Tiến Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn Tr, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phí Văn C, sinh năm 1980

Nơi cư trú: thôn Tr, xã V, thành phố T, tỉnh T.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau: Chị và anh Phí Văn C tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/9/2002 tại UBND xã V, thành phố T, tỉnh T. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng ra Q làm ăn, đến năm 2015 về quê sinh sống tại xã V, thành phố T. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 4/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh C nghiện rượu, cờ bạc về nhà thường có hành động vũ phu đập phá đồ đạc lăng mạ, chửi bới, xúc phạm chị trước mặt các con, cấm đoán không cho chị làm ở cơ sở vật lý trị liệu dẫn đến vợ chồng thường xảy ra va chạm, cãi vã, đánh chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 4/2017 chị L bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn hỏi han quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh Phí Văn C.

Chị L và anh C có ba con chung là Phí PA, sinh ngày 08/02/2003; Phí Hải N, sinh ngày 07/4/2008 và Phí Xuân Tr, sinh ngày 19/10/2014. Ly hôn, chị L có nguyện vọng được nuôi cả ba con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, chị L yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Hiện thu nhập của chị trung bình là 8.000.000 đồng/tháng.

Chị L đề nghị tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, chị và anh C không có tài sản cho vay và không có vay nợ ai tài sản gì, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phí Văn C trình bày: Về thời gian, thủ tục đăng ký kết hôn, quá trình sống chung như cô L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cô L nghi ngờ anh có quan hệ nam nữ, anh không đồng ý cho vợ làm nghề ở cơ sở vật lý trị liệu, nhưng cô L không nghe dẫn tới vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm nhau. Từ tháng 6/2018 cô L bỏ về bên ngoại ở anh

có sang tìm nhưng cô L không chấp nhận về chung sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm, hỏi han đến nhau nữa. Nay cô L xin ly hôn, nghĩ các con còn nhỏ, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có ba con chung như cô L trình bày là đúng. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đồng ý cho cô L trực tiếp nuôi cả ba con và tự nguyện đóng góp cấp dưỡng cho mỗi con 1.000.000 đồng/01tháng như cô L yêu cầu. Hiện thu nhập trung bình hàng tháng của anh là 7.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

* Tại biên bản xác minh ngày 10 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình với đại diện cơ sở thôn Tr và chính quyền địa phương xã V, thành phố T có nội dung:

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phí Văn C, đại diện chính quyền địa phương cung cấp như chị L đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị có thời gian đi làm ăn ở Q đến khoảng năm 2015 về sinh sống tại thôn Tr, xã V, thành phố T. Quá trình sống chung vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và cách làm ăn kinh tế. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn địa phương có gặp gỡ khuyên giải nhưng không có kết quả, chị L đã bỏ về nhà ngoại ở từ đầu năm 2018, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Chị L xin ly hôn anh C, địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C đã căng thẳng, kéo dài, nếu hai bên không chấp nhận đoàn tụ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Chị L anh C có ba con chung, hiện cả ba con ở cùng mẹ được chị L và gia đình chăm sóc chu đáo. Anh C đi làm ở Q ít khi về nhà nên không trực tiếp nuôi con. Nếu vợ chồng ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của các cháu và các bên để giải quyết. Vợ chồng chị L, anh C có tài sản chung gì địa phương không rõ.

* Tại biên bản xác minh ngày 10/9/2019, ông Phí Văn N là bố đẻ anh Phí Văn C trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C, ông Phí Văn N trình bày như đại diện chính quyền cơ sở xã V cung cấp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, khi chị L, anh C còn ở Q ông đã chứng kiến giữa vợ chồng hay có mâu thuẫn, cãi

chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2016 vợ chồng về quê ở thôn Tr, xã V, thành phố T sinh sống, đến tháng 9/2018 mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng do anh C không đồng ý cho vợ làm nghề mát xa nhưng chị L không nghe dẫn đến vợ chồng va chạm đánh chửi nhau, chị L thuê cả đầu gấu đe dọa chồng, từ tháng 9/2018 chị L bỏ về bên nhà ngoại ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không hỏi han, quan tâm đến nhau nữa. Hiện anh C làm ăn ở Q khi gia đình có việc hoặc vài tháng mới về nhà. Mặc dù gia đình đã khuyên giải mong vợ chồng nghĩ lại chung sống cùng nuôi dạy các con nhưng chị L kiên quyết xin ly hôn, xác định mâu thuẫn giữa chị L, anh C đã trầm trọng, kéo dài khó có thể đoàn tụ được, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Vợ chồng chị L, anh C có ba con chung như hai bên trình bày. Tuy vợ chồng anh chị ly thân nhưng vẫn có trách nhiệm với các con, hai bên gia đình nội ngoại đều ở gần nên có điều kiện cùng hỗ trợ chăm sóc tốt cho các cháu. Nếu chị L anh C ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét, căn cứ nguyện vọng của hai bên và các cháu để giải quyết. Về tài sản: Trong thời gian chung sống, chị L anh C có xây được 01 ngôi nhà 01 tầng mái bằng có diện tích khoảng 60m² trên đất của gia đình cho mượn. Ngoài ra vợ chồng có tài sản chung gì khác không rõ. Quan điểm chị L xin ly hôn, hai bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên gia đình không có ý kiến gì.

* Tại lời khai ngày 16/9/2019, bà Trần Thị Nh là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị L trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh C, bà Nh trình bày như đại diện chính quyền địa phương cung cấp. Quá trình sống chung chị L, anh C thường xuyên có va chạm với nhau, đến tháng 4/ 2017 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị L đã về gia đình ngoại ở từ đó đến nay. Mặc dù xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã thực sự trầm trọng, căng thẳng kéo dài. Gia đình không muốn vợ chồng các con ly hôn nhưng việc quyết định ly hôn hay đoàn tụ là ở hai bên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chị L, anh C có 3 con chung, hiện các cháu đều được gia đình hai bên hỗ trợ chăm sóc chu đáo, khỏe mạnh. Về vấn đề nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của các con và quy định của để giải quyết, về phía gia đình điều kiện sẽ hỗ trợ, giúp đỡ để chăm sóc các cháu. Quá trình chung sống, vợ chồng chị L anh C có tài sản chung là 01 ngôi nhà tại thôn

Tr, xã V, thành phố T, ngoài ra vợ chồng có tài sản chung gì khác bà không rõ. Quan điểm chị L xin ly hôn và hai bên không yêu cầu giải quyết về tài sản, bà không có ý kiến gì.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phí Văn C.

Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Giao con chung là Phí PA, sinh ngày 08/02/2003; Phí Hải N, sinh ngày 07/4/2008 và Phí Xuân Tr, sinh ngày 19/10/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi con là 1.000.000 đồng/01tháng (Cộng 03con là 3.000.000 đồng/tháng) đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí dân sự của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phí Văn C đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Phí Văn C.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phí Văn C được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ kết quả xác

minh cùng lời khai của các bên đương sự thể hiện quá trình chung sống vợ chồng sau khi kết hôn đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do giữa vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế và cuộc sống sinh hoạt thường ngày mà không tự dàn xếp được dẫn tới mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, giữa chị L, anh C không có sự tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng vì trong quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xảy ra va chạm đánh cãi, xúc phạm lẫn nhau, mâu thuẫn căng thẳng, kéo dài, gia đình hai bên đã khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã có thời gian dài sống ly thân mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nữa. Anh C không muốn ly hôn vì lý do con còn nhỏ, nhưng không có biện pháp nào tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phí Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phí Văn C là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L và anh C có ba con chung là Phí PA, sinh ngày 08/02/2003; Phí Hải N, sinh ngày 07/4/2008 và Phí Xuân Tr, sinh ngày 19/10/2014.

Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng trực tiếp tục nuôi dạy ba con chung và yêu cầu anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị mỗi con 1.000.000 đồng/01 tháng (cộng 03 con là 3.000.000 đồng/tháng), anh C cũng nhất trí, cháu Phí PA và Phí Hải N có nguyện vọng được sống cùng với mẹ trong trường hợp chị L, anh C ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của chị Nguyễn Thị L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C đóng góp cấp dưỡng nuôi ba con cùng chị L mỗi con 1.000.000 đồng/01tháng (Cộng 03 con là 3.000.000 đồng/01tháng) cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản: Chị L, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Phí Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phí Văn C.

2. Về con chung:

2.1. Xử giao con Phí PA, sinh ngày 08/02/2003; Phí Hải N, sinh ngày 07/4/2008 và Phí Xuân Tr, sinh ngày 19/10/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phí Văn C có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi con là 1.000.000đồng/01tháng. Cộng ba con là 3.000.000 (ba triệu) đồng/01tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019 đến khi các con trưởng thành 18 tuổi.

2.3. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình theo biên lai thu số 0009905 ngày 01/7/2019 thành án phí.

- Anh Phí Văn C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Phí Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình.
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V, thành phố T, tỉnh T).
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hồng Sơn

